

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

TPB, VRE

[Cập nhật công ty]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ một phần tỷ trọng trading đã mở tại các nhịp hồi sớm.

26/04/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,040.80	+0.57
VN30	1,045.24	+0.79
HĐTL VN30F1M	1,037.50	+0.66
HNXIndex	205.84	+0.56
HNX30	367.48	+1.09
UPCoM	78.01	+0.03
USD/VND	23,486	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.25	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.35	-131
Dầu (WTI, \$)	77.44	+0.48
Vàng (LME, \$)	1,996.88	-0.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,040.80 (+0.57%)
KLGD (triệu CP) 431.6 (-9.3%)
GTGD (triệu US\$) 486.7 (+21.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+4.5%), VCB (+1.3%), STB (+1.4%).

HNXIndex 205.84 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 62.7 (-28.6%)
GTGD (triệu US\$) 36.3 (-24.3%)

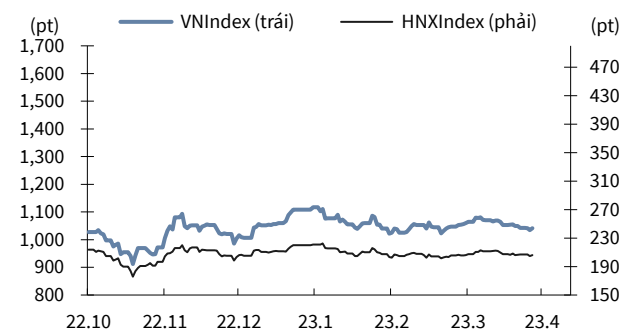
Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho biết, tính đến 15-4, Việt Nam đã xuất khẩu được 2,371 triệu tấn gạo, trị giá 1,251 tỉ USD, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 33.7% về số lượng và tăng 44.55% về trị giá. Cổ phiếu ngành gạo tăng giá ở TAR (+4.17%), LTG (+2.34%).

UPCoM 78.01 (+0.03%)
KLGD (triệu CP) 19.2 (-64.7%)
GTGD (triệu US\$) 10.5 (-18.6%)

Giá trị xuất khẩu hàng hóa thông qua container đường biển Q1/2023 ước tính đạt 43 tỷ USD (-10% YoY). Các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam là Mỹ, Trung Quốc, EU (thị phần xuất khẩu tương ứng là 27%, 17% và 14%) đều tăng trưởng âm. Cổ phiếu ngành cảng biển giảm giá ở PHP (-0.58%), VSC (-0.18%).

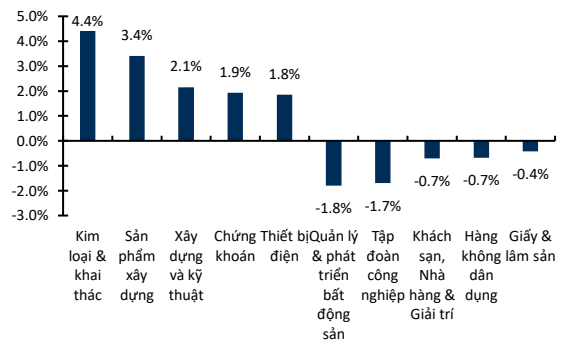
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.4

VNIndex & HNXIndex



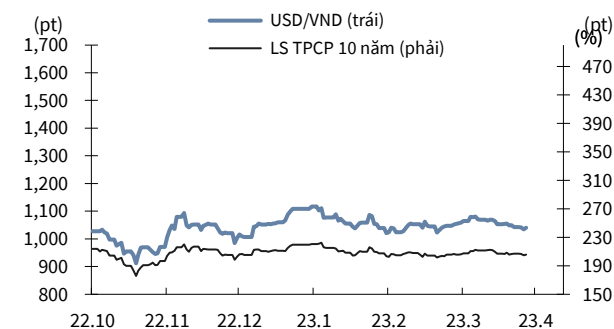
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

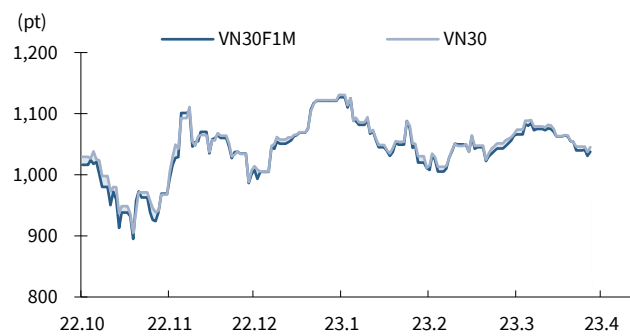
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,045.24 (+0.79%)
VN30F1M	1,037.5 (+0.66%)
Mở cửa	1,028.9
Cao nhất	1,037.7
Thấp nhất	1,025.6

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2305 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất phiên tại -8.54, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -5 điểm suốt phiên, đóng cửa tại -7.74 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

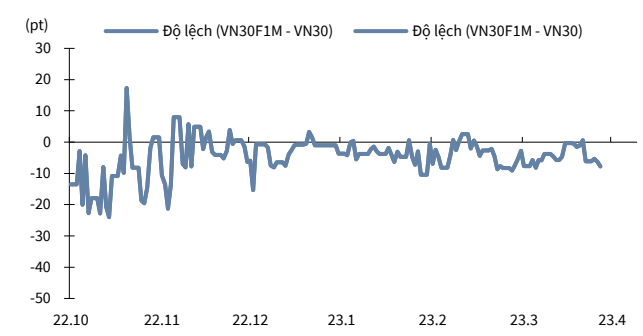
KLGD (HĐ) **223,829 (+18.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



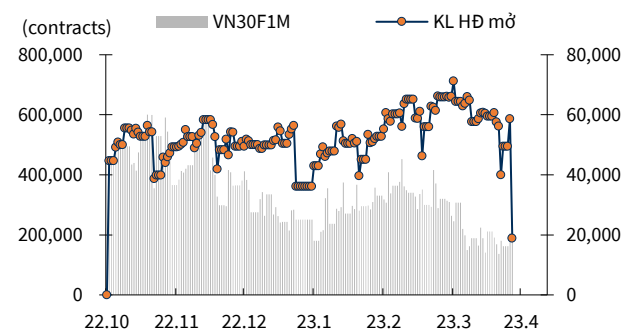
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



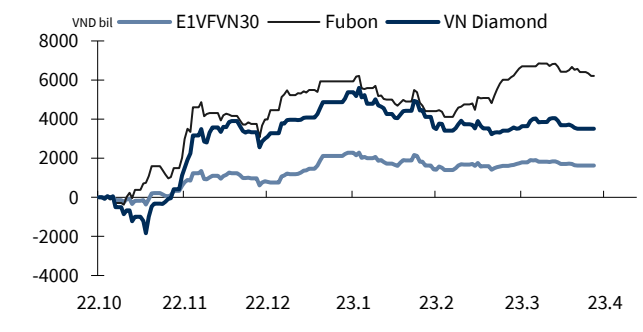
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

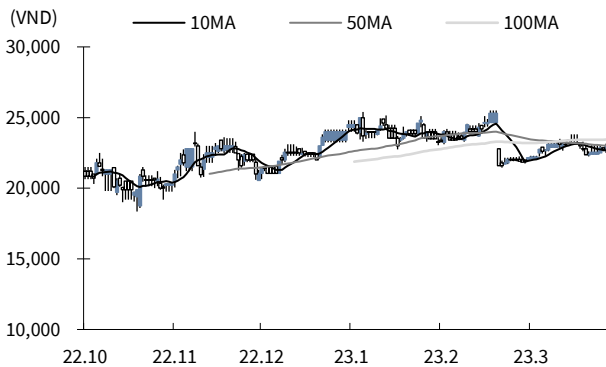
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

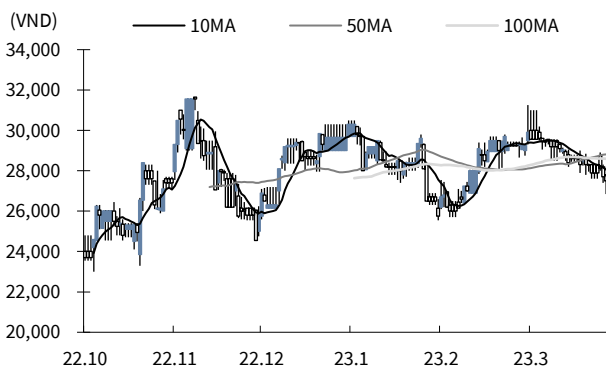
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TPB tăng 1.1% lên 23,000VND/cp
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong đặt mục tiêu năm 2023 với lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 8,700 tỷ đồng, tăng 11% YoY. Tổng tài sản dự kiến tăng 7% lên mức 350,000 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng 39% lên 22,016 tỷ đồng. Tổng huy động vốn ước đạt 30,960 tỷ đồng, tăng 6%YoY. Ngoài ra, TPBank dự kiến tăng vốn điều lệ lên trên 22,000 tỷ đồng bằng phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 39.19%.

CTCP Vincom Retail (VRE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE giảm 0.72% xuống 27,500VND/cp
- CTCP Vincom Retail công bố kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế 4,680 tỷ đồng (tăng 69% YoY) và doanh thu thuần 10,350 tỷ đồng (tăng 41% YoY). Trong đó, VRE có kế hoạch phát triển 800,000 mét vuông trong thời gian tới và cần tới 12,000 tỷ đồng. Một phần lợi nhuận giai đoạn trước được công ty sử dụng để trả gốc trái phiếu.

Vingroup (VIC)

Hoạt động bán buôn ghi nhận kết quả tích cực

Vingroup đã công bố KQKD Quý 1/2023 với doanh thu đạt 38,963 tỷ VND (+114%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,066 tỷ VND (-57%YoY).

Hoạt động bán buôn ghi nhận kết quả tích cực

- Doanh thu quý 1/2023 của riêng Vinhomes đạt 29,300 tỷ VND (+228%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 11,917 tỷ VND (+162%YoY) nhờ (1) Bàn giao 2,600 căn thấp tầng tại dự án The Empire và (2) Ghi nhận khoản lãi trước thuế 8,550 tỷ VND từ các giao dịch bán buôn tại dự án The Empire và The Crown vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh số bán hàng của Vinhomes trong quý 1/2023 đạt 15.7 nghìn tỷ VND (-5%YoY). Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 1/2023 đạt 92.7 nghìn tỷ VND (+63%YoY), trong đó các giao dịch bán buôn tại dự án The Empire và The Crown chiếm 50%. Trong năm 2023, Vinhomes dự kiến sẽ mở bán các dự án Vũ Yên (865ha – Hải Phòng), Golden Avenue (116ha – Quảng Ninh) và các dự án nhà ở xã hội Happy Homes Nam Tràng Cát (26ha – Hải Phòng), Thanh Hóa (9ha), Đông Hà Quảng Trị (2ha).
- Đối với Vincom Retail: Doanh thu quý 1/2023 đạt 1,943 tỷ VND (+42% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,024 tỷ VND (+172%YoY). KQKD hồi phục so với cùng kỳ do (1) VRE không giải ngân gói hỗ trợ nào cho khách trong quý 1/2023 so với gói hỗ trợ 464 tỷ VND trong Quý 1/2022 và (2) Mở mới 3 TTTM Smart City, Mỹ Tho và Bạc Liêu. Tỷ lệ lấp đầy trong Quý 1/2023 đạt 85.4%, tăng 2.7 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Trong năm 2023, VRE dự kiến mở mới TTTM Vincom Mega Mall Grand Park và Vincom Plaza Hà Giang, nâng tổng diện tích sàn cho thuê lên 1.8 triệu m² và bàn giao các căn shophouse tại hai dự án Quảng Trị và Điện Biên trong Quý 2.

Mảng sản xuất: Đẩy mạnh bàn giao ô tô điện

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 1/2023 đạt 1,762 tỷ VND (-47%YoY) do doanh thu trong quý chỉ đến từ bán xe điện.
- Trong quý 1, VinFast đã bắt đầu bàn giao VF 8 City Edition tới khách hàng tại Mỹ và VF 9, VF 5 Plus tới khách hàng tại Việt Nam cùng với xuất khẩu lô xe điện thứ 2 gồm 1,879 VF 8 tới thị trường Bắc Mỹ. VinFast đã bàn giao 1,800 xe ô tô điện (+4x%YoY, -63%QoQ) bao gồm dòng xe VF e34, VF8 và VF9 tại Việt Nam và Mỹ. Tính tới ngày 17/4, số lượng đơn đặt hàng cho xe ô tô điện đạt 41-47 nghìn xe, giảm so với thời điểm cuối năm 2022 là 70,000 xe do công ty đưa ra chính sách mới để cắt giảm đơn đặt hàng từ doanh nghiệp để hỗ trợ khách hàng và tăng cường sự minh bạch trên thị trường.

Các hoạt động kinh doanh khác

- Mảng du lịch khách sạn, vui chơi giải trí tiếp tục hồi phục với doanh thu đạt 2,019 tỷ VND (+50%YoY). Số lượng đêm phòng bán trong quý 1/2023 đạt 295 nghìn (+66%YoY), số lượt khách đến VinWonders đạt 1,048 nghìn (+29%YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp giảm điểm vào đầu phiên, VNINDEX đã đảo chiều hồi phục và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy tại vùng hỗ trợ gần quanh 1030 đã giúp chỉ số hình thành mẫu nến đảo chiều tích cực, để ngỏ cơ hội có thêm nhịp hồi phục trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, mẫu nến này xuất hiện tại thời điểm đa số các chỉ báo xung lực vẫn đang ở vùng trung tính nên có mức độ tin cậy chưa cao và áp lực điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại sau nhịp hồi T+.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ một phần tỷ trọng trading đã mở tại các nhịp hồi sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1046 - 1049

Kháng cự gần: 1041 - 1043

Hỗ trợ gần: 1031 - 1033

Hỗ trợ xa: 1023 - 1027

- Sau nhịp giảm điểm vào đầu phiên, F1 đã đảo chiều hồi phục và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy tại vùng hỗ trợ gần quanh 102x đã giúp chỉ số hình thành mẫu nến đảo chiều tích cực, để ngỏ cơ hội có thêm nhịp hồi phục trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, mẫu nến này xuất hiện tại thời điểm đa số các chỉ báo xung lực vẫn đang ở vùng trung tính nên có mức độ tin cậy chưa cao và áp lực điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại sau nhịp hồi T+.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát chờ điểm vào lệnh thuận lợi hơn.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

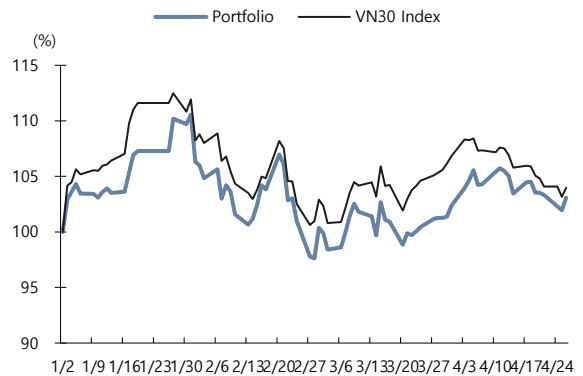
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.79%	1.11%
Tăng lũy kế (YTD)	3.98%	3.08%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/04/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,400	1.9%	-0.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	21,350	1.2%	1.9%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	75,600	0.1%	31.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,000	1.1%	-6.1%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	15,500	1.3%	-9.4%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	78,300	-0.1%	222.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,400	-0.4%	50.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,400	1.5%	27.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,000	4.5%	97.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	24,600	0.0%	139.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	4.5%	23.8%	122.1
VCB	1.3%	23.5%	91.6
STB	1.4%	25.8%	54.4
NLG	0.0%	45.4%	17.2
VPB	0.3%	17.6%	11.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-4.4%	24.3%	-23.4
BMP	6.9%	84.3%	-11.5
VND	0.3%	21.9%	-8.9
DGC	-0.2%	15.6%	-10.2
KBC	0.0%	19.8%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DDG	-9.8%	0.0%	0.0
PVI	0.2%	59.7%	10.4
APS	4.1%	1.3%	0.7
VNR	-0.4%	27.1%	0.0
PPP	-5.6%	3.7%	0.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.0%	6.2%	0.0
IDC	-0.5%	1.1%	10.4
HUT	2.0%	2.0%	0.7
SEB	0.0%	0.0%	0.0
PVS	1.6%	20.9%	0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	9.7%	DHG, IMP, TRA, DBD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	9.3%	TNH, JVC, VMD
Kim loại & khai thác	5.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị điện	4.5%	GEX, SAM, CAV, RAL
Sản phẩm xây dựng	3.8%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-5.1%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng không dân dụng	-4.8%	VJC, HVN
Tập đoàn công nghiệp	-4.7%	REE, BCG, PET, EVG
Thực phẩm	-4.1%	VNM, MSN, KDC, VHC
Bao bì & đóng gói	-2.8%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	15.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	14.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dược	8.6%	DHG, IMP, TRA, DBD
Thiết bị điện	8.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Phụ tùng oto	7.0%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-10.2%	VJC, HVN
Đồ uống	-8.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích khí	-8.7%	GAS, PGD, PMG
Thực phẩm	-5.4%	VNM, MSN, KDC, VHC
Bảo hiểm	-4.2%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	103,833 (4.4)	22.5	34.0	34.2	14.7	5.1	4.7	1.8	1.7	-1.1	-1.3	-2.6	-3.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	81,824 (3.5)	26.6	6.5	6.1	35.9	20.2	17.9	1.2	1.0	-4.4	-4.8	-2.0	0.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	77,205 (3.3)	17.8	15.8	14.2	-7.6	11.1	11.6	1.7	1.6	-0.7	-2.8	-6.0	4.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	368,074 (15.7)	31.3	5.9	4.2	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.8	1.5	-4.1	17.2	-0.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	41,722 (1.8)	11.6	21.1	16.0	13.7	8.5	11.3	1.6	1.5	-0.2	-0.5	6.4	6.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	214,829 (9.2)	13.9	16.4	21.6	-	5.3	3.8	0.9	0.9	0.4	-0.8	6.3	-1.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	49,208 (2.1)	6.3	12.7	11.3	11.7	21.7	20.2	2.5	2.1	1.2	1.0	0.4	11.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	34,652 (1.5)	12.7	10.5	9.8	-5.3	19.1	20.4	1.8	1.6	1.3	-0.7	-3.2	14.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	142,756 (6.1)	0.0	5.2	4.5	14.3	16.5	17.2	0.8	0.7	3.4	3.4	13.4	16.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	54,346 (2.3)	1.4	7.2	6.2	50.3	16.5	17.7	1.1	1.0	-0.4	-1.0	-0.4	4.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	291,087 (12.4)	0.0	8.6	7.2	18.8	13.3	13.7	1.1	0.9	0.3	-1.8	-8.5	8.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	153,584 (6.5)	0.0	4.5	3.9	14.6	22.8	20.9	0.9	0.7	0.5	1.4	3.4	7.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	49,241 (2.1)	4.2	4.3	4.2	23.3	23.1	20.1	1.0	0.8	3.0	-0.8	4.7	18.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	459,755 (19.6)	14.0	6.0	4.1	26.5	20.9	25.5	1.0	0.8	1.4	-0.4	1.4	12.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	85,653 (3.6)	0.0	4.2	3.7	37.4	20.4	20.5	1.0	0.8	1.1	2.9	4.5	9.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	57,552 (2.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.5	-5.3	-1.0	-18.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	11,383 (0.5)	21.0	14.7	13.2	15.8	10.6	11.2	1.6	1.5	0.5	-0.7	-5.5	-1.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	3,861 (0.2)	14.2	10.3	9.3	9.1	13.7	14.1	1.0	0.9	0.4	-3.4	-8.5	5.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	463,102 (19.7)	55.4	20.4	16.8	-3.2	7.3	8.9	1.4	-	1.2	0.2	4.4	20.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	186,537 (7.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.7	-1.1	0.2	33.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	165,812 (7.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.2	-2.7	1.6	24.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	342,313 (14.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.3	-1.7	-4.2	8.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	77,905 (3.3)	42.1	17.0	15.2	4.0	29.8	32.2	4.7	4.4	1.6	-1.4	-5.3	-6.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,147 (1.2)	36.9	20.2	18.5	7.3	21.9	21.5	4.1	3.7	0.0	0.4	-8.9	2.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	89,751 (3.8)	16.5	31.1	16.2	-51.9	10.9	16.0	3.8	2.9	0.1	-9.3	-8.5	-23.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,527 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	-0.2	-2.3	1.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	19,861 (0.8)	11.0	26.2	17.0	-88.5	16.4	27.8	-	-	-0.7	-4.9	-10.4	-13.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	39,693 (1.7)	10.8	13.8	17.4	-57.0	23.1	11.9	1.9	1.8	0.4	0.6	6.4	16.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	76,613 (3.3)	38.4	21.0	8.7	65.7	3.0	7.3	-	-	-0.4	-2.7	-2.4	9.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	116,353 (5.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.6	0.0	4.1	3.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	33,868 (1.4)	3.6	-	33.4	-52.4	-0.1	1.5	0.5	0.6	0.9	10.4	48.5	77.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	15,471 (0.7)	0.0	9.0	8.3	-4.5	14.7	14.9	1.2	1.1	-1.4	-5.2	-5.0	-10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	28,266 (1.2)	46.1	16.3	16.1	-17.5	18.1	15.9	2.8	2.7	1.5	-2.3	-8.8	-8.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,560 (0.6)	31.4	13.6	10.3	-10.5	15.6	17.1	1.9	1.8	0.2	2.9	8.0	4.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,974 (0.1)	34.1	14.2	6.1	-5.1	6.7	14.5	-	-	0.0	2.4	9.1	18.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	358,744 (15.3)	18.0	13.1	9.4	21.9	10.6	13.8	1.2	1.1	4.5	5.8	7.8	22.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	65,332 (2.8)	36.5	4.9	7.8	-0.5	18.4	11.3	0.9	0.9	-1.8	-5.2	-3.6	-24.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	68,497 (2.9)	46.5	9.1	8.9	-4.5	13.1	13.2	1.1	1.1	-1.1	-5.1	-4.7	-12.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	205,739 (8.8)	38.9	14.0	8.9	67.9	3.5	8.9	0.8	0.8	5.0	2.6	-1.3	35.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	26,612 (1.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	7.0	8.3	12.8	48.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	32,262 (1.4)	4.6	15.9	14.0	-51.0	11.3	11.7	1.9	1.8	1.4	1.4	1.5	16.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	69,616 (3.0)	39.9	27.4	13.3	-11.9	2.9	6.0	0.8	0.8	1.0	0.5	3.2	16.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	49,481 (2.1)	35.9	7.8	6.8	2.2	13.9	14.6	1.0	0.9	1.7	1.5	0.5	-6.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	106,087 (4.5)	0.0	13.3	9.7	14.4	16.1	20.0	2.1	1.8	1.9	-5.2	1.2	-10.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,436 (1.8)	0.0	12.7	10.7	2.4	22.7	22.7	2.5	2.1	0.1	-3.1	-4.3	-15.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	505 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.5	-2.1	-0.6	11.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	69,122 (2.9)	30.3	26.0	16.1	-75.2	14.4	20.0	3.4	2.9	1.7	-5.2	-1.4	-7.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	16,544 (0.7)	34.6	9.6	9.0	41.2	18.6	19.0	1.1	1.0	1.4	1.0	2.8	3.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,973 (0.1)	45.4	12.5	12.1	10.7	23.6	22.3	2.9	2.5	2.5	14.9	12.5	24.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	45,622 (1.9)	0.0	14.1	11.7	15.5	27.4	28.6	3.2	2.8	-0.1	-1.3	-0.4	1.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannnd@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.